

Bản án số: 161/2022/DS-PT

Ngày: 19 – 12 – 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông
Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn C, sinh năm: 1974; cư trú tại: Ấp A, xã Thuận H1, huyện L, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ông Thanh T; cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện V1, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm: 1971; cư trú tại: Số 221 ấp Ninh Đ1, xã Ninh Q, huyện Hồng D1, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số 150 ấp 7, xã Thuận H2, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn Đ; cư trú tại: Số 79 đường H3, phường E, TP. P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cao Tường D, sinh năm: 1998; cư trú tại: Ấp A, xã Thuận H1, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Cao Tường D (Giấy ủy quyền ngày 13/12/2022): Ông Cao Văn C, là nguyên đơn trong vụ án (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Tấn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2018 ông C có bán lúa cho ông Nguyễn Tấn H cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 09/9/2018 (âm lịch) nhằm ngày 17/10/2018, ông C có bán cho ông H 17.000 kg lúa ST24 với giá 15.000 đồng/kg với tổng số tiền 255.000.000 đồng, ông H hẹn ngày 09/02/2019 sẽ trả số tiền nêu trên, trường hợp không trả đúng theo thỏa thuận sẽ phải chịu lãi suất 2,5%/tháng. Thỏa thuận trả lãi được ghi trực tiếp trên biên nhận. Biên nhận do ông C ghi và ông H trực tiếp ký và ghi họ, tên.

Lần thứ hai: Ngày 06/10/2018 (âm lịch) nhằm ngày 12/11/2018, ông C có bán cho ông H 15.000 kg lúa RVT với giá 15.000 đồng/kg với tổng số tiền 225.000.000 đồng, thỏa thuận sau 05 tháng sẽ trả, không thỏa thuận lãi.

Tuy nhiên đến hạn thì ông C nhiều lần yêu cầu ông H trả số tiền mua lúa còn nợ nhưng ông H không trả như thỏa thuận. Ông C yêu cầu ông H trả số tiền mua lúa còn nợ là 653.343.000 đồng (trong đó tiền gốc là 480.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính là 173.343.000 đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả từ ngày 07/7/2019 đến ngày 15/6/2022, tính tròn là 34 tháng đối với hai khoản nợ với mức lãi suất 0,75%/tháng.

Ngoài ra, vào tháng 7/2020, ông C có bán cho ông H 300 tấn lúa OM18, trong đó có 100 tấn giá 5.300đ/kg và 200 tấn giá 5.200đ/kg, thành tiền là 1.570.000.000 đồng. Phần lúa này các bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm hợp đồng, ông C đã giao lúa cho ông H và ông H đã trả đủ tiền cho ông C. Lúc cân lúa thì ông H có ứng cho ông C 02 lần với số tiền 800.000.000 đồng, phần còn lại thì giao tiền mặt không có làm giấy tờ gì.

Đối với yêu cầu phân tố của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý vì đã giao dịch xong và có ý kiến như sau: Đối với biên nhận nợ ngày 09/7/2020, nguyên đơn thừa nhận là có nhờ con là Cao Tường D nhận giùm nhưng đây là khoản tiền khác và đã thực hiện xong. Hơn nữa biên nhận này có dấu hiệu chỉnh sửa và ghi thêm. Biên nhận do ông H trực tiếp ghi.

Đối với biên nhận ngày 07/7/2020, nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền 400.000.000 đồng của bị đơn nhưng đây là biên nhận của một giao dịch khác và đã thực hiện giao lúa xong.

Đối với biên nhận ngày 06/02/2020, nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền 300.000.000 đồng của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn H và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn Đ trình bày:

Bị đơn ông H thống nhất trước đây có mua lúa của nguyên đơn ông C theo như nguyên đơn trình bày là đúng. Ông H thống nhất về số lượng, loại lúa cũng như giá tiền do nguyên đơn đưa ra. Riêng phần lãi ông H thống nhất lãi 0,5%/tháng chứ không phải 2,5%/tháng như phía nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, ngày 09/7/2020, ông H đã trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng, do con ông C là Cao Tường D nhận thay. Ông H thừa nhận có viết thêm vào biên nhận nhưng lý do viết thêm là do khi viết biên nhận thì ông H phát hiện mình viết nhầm nên viết thêm. Lúc ông H viết thêm có mặt anh D, anh D biết ông H viết thêm nhưng cũng không ý kiến gì. Ngoài ra, vào tháng 10/2018 do ông C giao lúa không đảm bảo chất lượng nên ông H đã trả lại cho ông C 5,4 tấn thành tiền là hơn 80.000.000 đồng nhưng ông H chỉ tính 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 06/02/2020 ông H có cho ông C tạm ứng số tiền 300.000.000 đồng để mua lúa Đài Thơm Tám nhưng ông C vẫn chưa giao lúa; ngày 07/7/2020 ông H có cho ông C tạm ứng số tiền 400.000.000 đồng để mua 300 tấn lúa OM18 nhưng ông C chỉ mới giao 129 tấn, còn lại 171 tấn chưa giao. Đối với 129 tấn lúa đã giao, ông H đã trả cho ông C 683.700.000 đồng, phần tiền này không có làm biên nhận, còn số tiền 400.000.000 đồng đã tạm ứng ông C chưa giao lúa.

Ông H đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C và có đơn phản tố yêu cầu ông C trả lại số tiền ông H đã tạm ứng là 700.000.000 đồng để mua lúa nhưng ông C chưa giao lúa. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông H xin rút yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Cao Tường D trình bày:

Ông D thừa nhận vào ngày 09/7/2020 có nhận của ông H số tiền 400.000.000 đồng, số tiền này ông nhận giùm cha là ông C và đã giao lại cho ông C. Ông D chỉ biết là ông H tạm ứng tiền cho ông C nhưng không biết là tiền gì. Đối với biên nhận ngày 09/7/2020 do ông H cung cấp, ông D cho rằng ông H tự ý viết thêm phần đầu, phần cuối gồm (*Biên nhận tiền lúa giống: ST24/RVT năm 2018 và TS tiền là đủ*) và có dấu hiệu chỉnh sửa nội dung trong biên nhận, vì khi ký tên nhận tiền ông D có dùng điện thoại chụp ảnh biên nhận lại và hiện nay vẫn còn lưu hình ảnh này. Ông D không thừa nhận việc ông H cho rằng lúc viết thêm có mặt ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Văn C đối với bị đơn Nguyễn Tấn H.

Buộc bị đơn Nguyễn Tấn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Cao Văn C số tiền 602.400.000 đồng (sáu trăm lẻ hai triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng) và lãi là 122.400.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Tấn H đối với nguyên đơn Cao Văn C về việc buộc nguyên đơn Cao Văn C trả số tiền cọc 700.000.000 đồng

(bảy trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Nguyễn Tấn H phải chịu 16.048.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp 16.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006623 phiếu lập ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, bị đơn Nguyễn Tấn H còn phải nộp thêm số tiền 48.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn Cao Văn C 8.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0006579 lập ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Về chi phí giám định: Nguyên đơn Cao Văn C phải nộp 4.200.000 đồng (đã nộp xong).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2021, bị đơn ông H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, buộc bị đơn ông H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông C số tiền 602.400.000 đồng, trong đó nợ gốc là 480.000.000 đồng, nợ lãi là 122.400.000 đồng. Ông H yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C vì số tiền mua lúa còn nợ là 480.000.000 đồng ông H đã trả cho ông C thể hiện tại Biên nhận ngày 09/7/2020 do con của ông C là Cao Tường D nhận với số tiền 400.000.000 đồng và hoàn lại phần lúa không đảm bảo chất lượng như thỏa thuận với giá trị là 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đ trình bày: Biên nhận ngày 09/7/2020 là biên nhận trả tiền nợ vì số tiền ông H còn nợ ông C năm 2018, những giao dịch mua bán lúa sau này ông C hoàn toàn có quyền cân trừ, trong khi số tiền ông H tạm ứng cho ông C lớn nhiều so với số tiền nợ. Bên cạnh đó, ông H có tài sản đủ khả năng để thanh toán nợ, cụ thể là số lượng lúa khô và máy tách hạt mà ông H đã gửi cho ông C. Nguyên đơn thừa nhận có nhận 400.000.000 đồng theo biên nhận ngày 09/7/2020 nhưng cho rằng số tiền đã nhận là tiền tạm ứng để trả tiền mua lúa cho nông dân thì ông C phải có nghĩa vụ chứng minh cho giao dịch mua bán cụ thể nào. Do đó, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông T trình bày: Bị đơn ông H đã thừa nhận có nợ nguyên đơn ông C số tiền 480.000.000 đồng, đại diện bị đơn cho rằng đã trả xong số nợ thì phải chứng minh. Đối với số tiền 400.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 09/7/2020 khi bị đơn ông H chưa chỉnh sửa, bổ sung có nội dung là ông H ứng tiền, không phải trả tiền nợ, ông H tự chỉnh sửa thành trả tiền nợ khi không được sự đồng ý của ông C cũng như ông D là không đúng, có hành

vi gian dối. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn 480.000.000 đồng nhưng cho rằng đã trả xong theo Biên nhận ngày 09/7/2020. Xét Biên nhận ngày 09/7/2020 có chỉnh sửa, bị đơn cho rằng việc chỉnh sửa nội dung biên nhận được ông Cao Tường D đồng ý nhưng ông D không thừa nhận, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Về nội dung ban đầu khi chưa chỉnh sửa theo sự thừa nhận của các đương sự thể hiện ứng tiền trả tiền lúa, không phải trả tiền nợ. Ngoài ra, bị đơn cho rằng đã hoàn trả lại cho nguyên đơn 5,4 tấn lúa tương ứng với số tiền 80.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm tính sai số tiền án phí bị đơn phải chịu nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn H kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Cao Văn C khởi kiện bị đơn Nguyễn Tấn H yêu cầu thanh toán số tiền mua bán lúa còn nợ và lãi. Bị đơn ông H có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn ông C trả lại số tiền 700.000.000 đồng đã tạm ứng để mua lúa của ông C. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tiền đặt cọc” là chưa đúng, nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông H: Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của ông H xin rút yêu cầu phản tố. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu phản tố của ông H là có căn cứ pháp luật. Việc đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông H không đồng ý trả cho nguyên đơn ông C số tiền nợ gốc 480.000.000 đồng và lãi:

[4.1] Giữa ông C và ông H có hợp đồng mua bán lúa với nhau từ năm 2016 đến khoảng tháng 9 năm 2020, ông C cho rằng vào năm 2018 ông C có bán lúa cho ông H, cụ thể: Ngày 09/9/2018 (âm lịch) nhằm ngày 17/10/2018, ông C có bán cho ông H 17.000 kg lúa ST24 với giá 15.000 đồng/kg với tổng số tiền

255.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 09/02/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ. Ngày 06/10/2018 (âm lịch) nhằm ngày 12/11/2018, ông C có bán cho ông H 15.000 kg lúa RVT với giá 15.000 đồng/kg với tổng số tiền 225.000.000 đồng, thỏa thuận sau 05 tháng sẽ trả. Ông H thừa nhận việc mua bán lúa như ông C trình bày, phù hợp với biên nhận và Phiếu bán hàng nguyên đơn ông C giao nộp (bút lục 107 – 108). Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4.2] Ông C cho rằng ông H chưa thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 480.000.000 đồng như đã nêu tại mục [4.1] nên yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi. Bị đơn ông H cho rằng đã thanh toán xong số nợ, cụ thể đã thanh toán 400.000.000 đồng vào ngày 09/7/2020 theo biên nhận do con của ông C là Cao Tường D ký nhận, số tiền còn lại là 80.000.000 đồng ông H đã trả cho ông C bằng hình thức hoàn lại số lúa 5,4 tấn đã nhận do ông C giao lúa không đảm bảo chất lượng như thỏa thuận, không có làm giấy tờ. Ông C thừa nhận ngày 09/7/2020 ông có nhờ con là Cao Tường D nhận thay số tiền 400.000.000 đồng của ông H nhưng đây là tiền tạm ứng mua 300 tấn lúa OM18 trong giao dịch mua bán lúa năm 2020 và đã giao lúa xong, còn việc ông H giao lại 5,4 tấn lúa ông C không thừa nhận.

[4.3] Xét Biên nhận ngày 09/7/2020 do ông H giao nộp có nội dung bổ sung, chỉnh sửa, cụ thể đối chiếu lại hình ảnh biên nhận do Cao Tường D chụp lại được bị đơn thừa nhận có nội dung “*Hom nay Ngày 09/7/2020. Tôi Nguyễn Tấn H có ứng tiền trả tiền lúa eo ong Cao Văn C: C nhờ con của C là Cao Tường D: Nhận dứt số tiền 400.000.000đ Bốn trăm triệu chẵn*” thì nội dung biên nhận do ông H giao nộp có chỉnh sửa, bổ sung, cụ thể có bổ sung nội dung “*Biên nhận tiền lúa giống ST24/rVT: năm 2018*” ở đoạn đầu biên nhận, “*TS tiền là đủ*” ở đoạn cuối biên nhận và chỉnh sửa nội dung “*có ứng tiền trả tiền lúa eo ông Cao Văn C*” thành “*... có đưa tiền trả tiền lúa giống Cao Văn C...*”. Như vậy, về nội dung biên nhận ban đầu chỉ thể hiện ông H ứng tiền trả tiền lúa cho ông C mà theo các đương sự thừa nhận là bên mua lúa phải ứng tiền trước để bên bán có tiền trả tiền lúa khi thu mua lúa của nông dân, không chứng minh được là thanh toán đối với khoản nợ 480.000.000 đồng vào năm 2018 nên không đủ cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, ông H cho rằng có hoàn lại cho ông C 5,4 tấn lúa không đảm bảo chất lượng nhưng không được ông C thừa nhận, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, không có cơ sở kết luận ông H đã thanh toán số tiền còn nợ ông C vào năm 2018 là 480.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 480.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

[4.4] Về lãi suất: Do bị đơn không thanh toán khoản nợ 480.000.000 đồng theo thỏa thuận, căn cứ khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*”; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải*

trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Như vậy, đối với khoản nợ 255.000.000 đồng thì nội dung biên nhận thể hiện thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm nên cần điều chỉnh với mức lãi suất là 20%/năm; đối với khoản nợ 225.000.000 đồng thì nội dung Phiếu nhận hàng không thể hiện có thỏa thuận lãi suất, các đương sự không thống nhất mức lãi suất thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%, kể từ ngày chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 0,75%/tháng, tương ứng với mức lãi suất 9%/năm, với thời gian chậm trả từ ngày 07/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/6/2022) tính tròn 34 tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H trả cho ông C số tiền lãi là 480.000.000 đồng x 34 tháng x 0,75%/tháng = 122.400.000 đồng là có lợi cho bị đơn.

[5] Đối với số tiền 400.000.000 đồng ông C đã nhận theo biên nhận ngày 09/7/2020, ông C cho rằng là tiền tạm ứng mua lúa OM18 cùng với số tiền 400.000.000 đồng đã nhận theo Biên nhận ngày 07/7/2020 và số tiền 300.000.000 đồng ông C thừa nhận đã nhận theo Biên nhận ngày 06/02/2020 để trả tiền mua lúa Đài Thơm Tám. Những khoản tiền này ông C cho rằng đã giao lúa xong nên không còn nợ tiền ông H, còn ông H cho rằng chưa giao lúa. Tuy nhiên, bị đơn ông H đã rút yêu cầu phản tố yêu cầu ông C trả số tiền 700.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử. Do các đương sự chưa có yêu cầu đối với những giao dịch mua bán lúa của năm 2020 nên không đặt ra xem xét trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 602.400.000 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH) thì ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.096.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông H chịu 16.048.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, gây thất thu ngân sách Nhà nước. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm để điều chỉnh lại án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy ông H kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Đại diện bị đơn cho rằng ông H đã tạm ứng nhiều lần với số tiền lớn hơn nhiều so với số tiền còn nợ cũng như có đủ điều kiện kinh tế để trả nợ nên

hoàn toàn có thể được nguyên đơn cản trừ, nhưng nguyên đơn không cản trừ chứng tỏ bị đơn đã thanh toán xong nợ cho nguyên đơn. Lập luận của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ việc thỏa thuận nợ, tạm ứng tiền, gửi giữ tài sản là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên, không thể lấy sự kiện có tiền để tạm ứng, có giao tài sản cho nguyên đơn sau này để chứng minh bị đơn đã trả xong số tiền còn nợ trước đó.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, căn cứ Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng: Các Điều 430, 440, 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Văn C đối với bị đơn Nguyễn Tấn H.

Buộc bị đơn Nguyễn Tấn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Cao Văn C số tiền 602.400.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và lãi là 122.400.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Tấn H đối với nguyên đơn Cao Văn C về việc buộc nguyên đơn Cao Văn C trả số tiền là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Nguyễn Tấn H phải chịu 28.096.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp 16.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006623 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Bị đơn Nguyễn Tấn H còn phải nộp thêm số tiền 12.096.000 đồng.

Nguyên đơn Cao Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006579 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4. Về chi phí giám định chữ ký: Ông Cao Văn C phải chịu với số tiền là 4.200.000 đồng (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006408 ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh